

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v xin ly hôn.

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VN

Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VN, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2020/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 về việc xin ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Dân tộc: Nùng; Trình độ văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai khai nguyên đơn anh L khai: Anh và chị H kết hôn năm 2003 tại UBND xã LM, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên, trước khi kết hôn được tìm hiểu, đăng ký kết hôn tự nguyện, không bị ép buộc. Quá trình chung sống có 3 con chung là Triệu Ngọc Th sinh năm 2003, Triệu Thị H1

sinh năm 2007, Triệu Văn H2 sinh năm 2010, sau khi cưới vợ chồng ở riêng.

Về tài sản chung vợ chồng: 01 ngôi nhà gỗ tạp 4 gian lợp ngói xi măng làm năm 2010; Đất ở khoảng 6 sào (hiện nay đã chuyển nhượng cho vợ chồng chị Triệu Thị U và anh Triệu Văn T (địa chỉ xóm HN, xã TX); Đất mua của ông Triệu Văn E địa chỉ xóm HN, xã TX gồm 03 đầm ruộng và 01 đầm bãi với số tiền khi mua có giá 35 triệu đồng; Đất mua của ông Triệu Văn M địa chỉ xóm HN, xã TX 01 sào ruộng khi mua có giá 4 triệu đồng; Đất mua của ông Triệu Văn T địa chỉ xóm HN, xã TX 01 sào ruộng khi mua có giá 4 triệu đồng. Tất cả diện tích đất trên khi mua có viết giấy tờ chuyển nhượng nhưng đến nay chưa làm thủ tục chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Ngoài ra vợ chồng anh không còn tài sản gì khác.

Về lý do xin ly hôn anh L cho rằng: Năm 2003 anh và chị H kết hôn, sau khi cưới vợ chồng ở với bố mẹ đẻ anh một thời gian ngắn rồi ra ở riêng, trong thời gian chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Năm 2017 vợ chồng có nhiều điểm bất đồng do không tìm được tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn ngày càng lớn, tình cảm vợ chồng phai nhạt không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, hiện nay vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 chị H về nhà bố mẹ đẻ chị sống. Nay anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H, về con chung anh tôn trọng nguyện vọng của các con ở với ai người đó sẽ có trách nhiệm nuôi con. Nếu các con có nguyện vọng ở cùng anh, anh sẽ có trách nhiệm nuôi con không yêu cầu chị H đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị H khai: Chị công nhận về quan hệ vợ chồng, thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung như anh L khai là đúng. Trong thời gian chung sống ban đầu vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không hợp nhau, anh L dùng bạo lực đánh chị. Nay anh L xin ly hôn chị không nhất trí vì hiện nay con chung của anh chị là cháu Triệu Ngọc Th sinh ngày 23/9/2020 không có mặt ở địa phương, không rõ đi đâu nên bao giờ cháu Th trở về nhà chị mới nhất trí ly hôn anh L. Trường hợp phải ly hôn chị tôn trọng nguyện vọng của con ở với ai người đó sẽ có trách nhiệm nuôi con, nếu con ở với chị chị không đề nghị anh L đóng góp cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung đề nghị anh L trích chia cho chị 30.000.000đ.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên toà: Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Toà án thụ lý vụ án và tiến hành các thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà phù hợp với các quy định của pháp luật, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ vợ chồng: Anh L và chị H kết hôn năm 2003 có đăng ký kết hôn tại UBND xã LM, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống từ năm 2017 đến nay vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thu thập được các tài liệu, chứng cứ chứng minh chị H đang có thai. Tại phiên tòa chị H xác định việc chị có thai không liên quan đến anh L, nhưng chị không nhất trí ly hôn vì lý do con gái chị là Triệu Ngọc Th sinh ngày 23/9/2020 bỏ đi khỏi địa phương không rõ đi đâu chị đề nghị Tòa án chờ con gái chị trở về địa phương chị sẽ xem xét có ly hôn với anh L hay không. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã xác minh cháu Triệu Ngọc Th hiện nay không có mặt tại địa phương. Căn cứ khoản 3 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của anh L xin ly hôn chị H, các vấn đề khác trong vụ án không xem xét giải quyết. Về án phí anh L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án bị đơn là chị Mã Thị H cư trú tại xóm HN, xã TX, huyện VN, tỉnh TN. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của anh L và chị H về tình trạng hôn nhân là có căn cứ, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa anh L và chị H là cuộc hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp, bởi lẽ trước khi kết hôn hai bên được tìm hiểu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LM, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên, sau khi kết hôn anh chị có 03 con chung. Từ năm 2017 trở lại đây cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không giải quyết mâu thuẫn được nên anh L xin ly hôn chị H. Tuy nhiên sau khi thụ lý vụ án trong quá trình thu thập các tài liệu, chứng cứ xác định được hiện nay chị H đang có thai. Các tài liệu, chứng cứ cho thấy chị H thừa nhận chị có thai nhưng không phải có thai với anh L, bản thân anh L cho rằng hiện tại chị H có thai anh cũng đã được biết, nhưng cái thai đó không phải của anh nên anh không có trách nhiệm, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H. Tại phiên tòa hôm nay chị H khẳng định chị có thai nhưng đứa con trong bụng không phải là con anh L, hơn nữa chị không nhất trí ly hôn theo nguyện vọng của anh L vì hiện nay con gái chị là Triệu Ngọc Th sinh ngày 23/9/2020 bỏ nhà đi khỏi địa phương không rõ đi đâu, chị đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa anh L và chị khi có mặt đầy đủ các con. Quá trình giải quyết vụ án ngày 09/7/2020 Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai đã tiến hành xác minh đối với việc vắng mặt của cháu

Th tại Công an xã TX và Ban xóm HN xác định được cháu Th không có mặt tại địa phương từ tháng 8/2019 không rõ đi đâu.

Điều 51, Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định về quyền yêu cầu giải quyết ly hôn như sau:

1. Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

2. Cha, mẹ, người thân thích khác có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn khi một bên vợ, chồng do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình, đồng thời là nạn nhân của bạo lực gia đình do chồng, vợ của họ gây ra làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe, tinh thần của họ.

3. Chồng không có quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

Như vậy căn cứ vào khoản 3 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, trong thời gian vợ có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi thì người chồng không có quyền yêu cầu ly hôn. Nếu người chồng phát hiện vợ mình có quan hệ tình cảm với người khác và mang thai với người khác, người chồng không có quyền yêu cầu xin ly hôn, không phân biệt người vợ có thai với ai hoặc bố của đứa trẻ dưới 12 tháng tuổi là ai.

Hơn nữa, theo Mục 6 Nghị quyết số 02/2000/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 23/12/2000 hướng dẫn về Quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn theo Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 như sau:

Theo quy định tại Điều 85 thì vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn. Tuy nhiên, người chồng không có quyền yêu cầu xin ly hôn khi vợ đang có thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi. Luật chỉ quy định "vợ đang có thai hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi"; do đó, khi người vợ đang thuộc một trong các trường hợp này (không phân biệt người vợ có thai với ai hoặc bố của đứa trẻ dưới 12 tháng tuổi là ai), mà người chồng có yêu cầu xin ly hôn, thì giải quyết như sau:

a.

b. Trong trường hợp đã thụ lý vụ án thì Tòa án cần giải thích cho người nộp đơn biết là họ chưa có quyền yêu cầu xin ly hôn. Nếu người nộp đơn rút đơn yêu cầu xin ly hôn thì Tòa án áp dụng điểm 2 Điều 46 Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án. Nếu người nộp đơn không rút đơn yêu cầu xin ly hôn thì Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung và quyết định bác yêu cầu xin ly hôn của họ.

Như vậy, căn cứ vào hai quy định trên, vào thời điểm hiện tại mặc dù anh L và chị H đã không còn chung sống với nhau, nhưng trên phương diện luật pháp, vẫn

là vợ chồng và vì vậy anh L không thể đơn phương ly hôn, cho dù chị H đang mang thai con của ai. Do đó, HĐXX không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L đối với chị H.

[3]. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Do bác yêu cầu xin ly hôn của anh L nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Buộc anh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Xét ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện VN, tỉnh Thái Nguyên về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên chấp nhận.

Bồi lễ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1- Về quan hệ vợ chồng: Bác đơn xin ly hôn của anh Triệu Văn L yêu cầu ly hôn chị Mã Thị H.

2- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

3- Về án phí: Buộc anh Triệu Văn L chịu 300.000^d án phí sơ thẩm ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^d đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Võ Nhai theo biên lai số 0007602 ngày 25 tháng 02 năm 2020.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS huyện VN;
- THADS huyện VN;
- UBND xã LM;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Hương